TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHI LỘC** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 312/2020/QĐST-HNGĐ	*Nghi Lộc, ngày 31 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 259/2020/TLST/HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An

Bị đơn: Anh Phạm Đình T, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hành chính sách xã hội Việt Nam

Địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khối 4, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An - Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Đình T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Đình T không có con chung.

2.2. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Đình T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Anh Phạm Đình T là người chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền nợ gốc hộ anh T đã vay theo sổ vay vốn vào ngày 09 tháng 11 năm 2018 là: 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)* và toàn bộ số tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết khoản nợ trên.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ban hành quyết định này cho đến khi thi hành án xong khoản nợ, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp theo quy định của pháp luật.

2.4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Thu H là người thỏa thuận chịu 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/ 0005017 ngày 02 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân Sự huyện N, tỉnh Nghệ An; trả lại cho chị H số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Anh Phạm Đình T là người thỏa thuận nộp 1.250.000 đồng *(Một triêu, hai trăm, năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự về nghĩa vụ trả nợ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thị hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

NƠI NHẬN:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nghi Lộc;
- THADS huyện Nghi Lộc;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ; VP Tòa án;

THẨM PHÁN

Trần Văn Phong